
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
BDC VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 03 năm 2018</i>	2 - 5
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp quý I năm 2018</i>	6
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp quý I năm 2018</i>	7 - 8
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ quý I năm 2018</i>	9 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72,764,836,955	77,002,940,886
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1,990,205,839	2,185,882,399
1. Tiền	111		1,990,205,839	2,185,882,399
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65,801,489,270	68,852,551,357
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	39,758,303,080	43,246,711,957
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	29,008,285,772	29,942,914,271
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	4,313,421,220	2,941,445,931
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(7,278,520,802)	(7,278,520,802)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4,973,141,846	5,964,507,130
1. Hàng tồn kho	141	V.6	4,973,141,846	5,964,507,130
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56,582,193,700	60,699,881,963
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		41,000,000	41,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		41,000,000	41,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		663,643,171	662,710,886
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	663,643,171	662,710,886
<i>Nguyên giá</i>	222		87,837,321,223	91,724,999,964
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(87,173,678,052)	(91,062,289,078)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		47,276,906,138	51,395,526,686
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.8	46,475,392,501	51,275,831,231
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	801,513,637	119,695,455
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	8,600,644,391	8,600,644,391
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4,180,644,391	4,180,644,391
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4,420,000,000	4,420,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		129,347,030,655	137,702,822,849

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		77,117,025,560	85,554,255,165
I. Nợ ngắn hạn	310		71,817,094,443	80,254,324,048
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	30,790,759,389	30,671,159,389
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	5,761,473,660	5,901,473,660
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	23,479,161,028	25,129,752,356
4. Phải trả người lao động	314		119,471,205	566,794,205
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	181,798,275	905,128,275
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	11,424,864,000	17,020,449,277
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		59,566,886	59,566,886
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5,299,931,117	5,299,931,117
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16	1,699,931,117	1,699,931,117
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	3,600,000,000	3,600,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

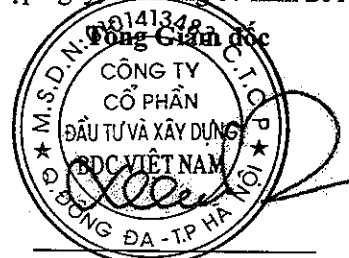
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52,230,005,095	52,148,567,684
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	52,230,005,095	52,148,567,684
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		41,039,290,000	41,039,290,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41,039,290,000	41,039,290,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		149,852,000	149,852,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3,343,084,386	3,343,084,386
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7,697,778,709	7,616,341,298
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7,616,341,298	7,577,816,111
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		81,437,411	38,525,187
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		129,347,030,655	137,702,822,849

Kế toán trưởng



Ngô Đức Nam

Lập ngày 19 tháng 07 năm 2018



Nguyễn Quốc Hương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

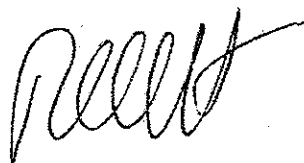
(Dạng đầy đủ)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

DVT: VNĐ

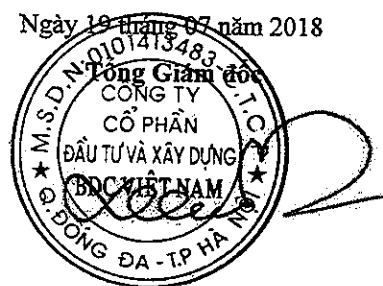
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6,274,922,192	1,671,073,633	8,293,361,363	3,341,573,704
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6,274,922,192	1,671,073,633	8,293,361,363	3,341,573,704
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5,998,801,054	550,000,000	10,452,300,694	1,919,810,058
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		276,121,138	1,121,073,633	(2,158,939,331)	1,421,763,646
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11,349	849,675	64,561	1,377,848
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	-	724,000,000	-	774,000,000
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	724,000,000	-	774,000,000
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	140,284,937	546,713,635	467,470,533	784,548,573
10.	Lợi nhuận thuần từ	30		135,847,550	(148,790,327)	(2,626,345,303)	(135,407,079)
11.	Thu nhập khác	31		(90,909,091)	181,818,182	2,728,142,067	199,090,909
12.	Chi phí khác	32		-	-	-	-
13.	Lợi nhuận khác	40		(90,909,091)	181,818,182	2,728,142,067	199,090,909
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44,938,459	33,027,855	101,796,764	63,683,830
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		8,987,692	7,266,128	20,359,353	12,736,766
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		35,950,767	25,761,727	81,437,411	50,947,064
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	#REF!	9	6	20	12

Kế toán trưởng



Ngô Đức Nam

Ngày 19 tháng 07 năm 2018



Nguyễn Quốc Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến cuối kỳ năm nay	Lũy kế đến cuối kỳ năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		101,796,764	63,683,830
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		274,067,715	230,581,706
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,728,206,628)	200,468,757
- Chi phí lãi vay	06		-	774,000,000
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2,352,342,149)	406,633,367
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2,778,247,880	13,353,850,080
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5,791,804,014	574,706,957
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2,862,003,681)	9,244,863,472
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	774,000,000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(330,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3,355,706,064	3,986,326,932
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(956,818,182)	595,608,632
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3,000,956,274	200,818,182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		64,561	1,377,848
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2,044,202,653	797,804,662

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

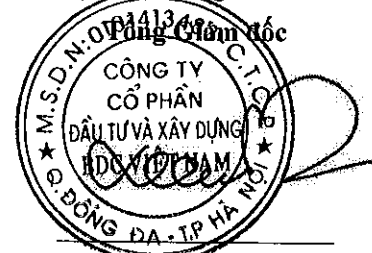
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến cuối kỳ năm nay	Lũy kế đến cuối kỳ năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5,595,585,277)	4,602,802,050
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(5,595,585,277)</i>	<i>(4,602,802,050)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(195,676,560)	181,329,544
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2,185,882,399	3,201,589,276
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1,990,205,839	3,382,918,820

Kế toán trưởng



Ngô Đức Nam

Lập ngày 19 tháng 07 năm 2018



Nguyễn Quốc Hương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh thương mại, xây dựng lắp đặt
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước (bao gồm: cầu, đường, sân bay, bến cảng, san lấp mặt bằng);
 - Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi và đường điện đến 35KV;
 - Nạo vét, đào đắp công trình;
 - Đầu tư xây dựng các công trình: cơ sở hạ tầng cụm dân cư, đô thị, khu công nghiệp, giao thông vận tải;
 - Thí nghiệm vật liệu, tư vấn đầu tư, tư vấn giám sát các công trình không do Công ty thi công;
 - Khai thác, kinh doanh đá, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện thép, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa;
 - Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, hàng hóa, dịch vụ du lịch, khách sạn, vui chơi giải trí;
 - Sửa chữa xe máy thiết bị thi công, gia công cơ khí;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Vận tải hành khách, hàng hóa;
 - Thiết kế xây dựng công trình biển;
 - Thiết kế các công trình xây dựng thủy lợi;
 - Thiết kế các công trình cảng, đường thủy;
 - Thiết kế đường bộ;
 - Thiết kế công trình giao thông (cầu, hầm);
 - Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
 - Đào tạo nghề công nhân kỹ thuật: công nhân vận hành máy thi công đường bộ, đường thủy, công nhân sắt hàn công trình, mộc công trình, tiếp viên phục vụ du lịch, nhà hàng (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
 - Khảo sát địa hình công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng;
 - Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
 - Kinh doanh nguyên liệu, hương liệu thuốc lá./.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 1 - Xi nghiệp Xây dựng số 2	Số 15/82/186 Vạn Phúc, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần MCO Việt Nam (TP Hà Nội)	Số 20/8 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2018 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2017

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

i. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

+ Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);

+ Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	03 – 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 05

b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XDCCDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản vay và nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

+ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty/Doanh nghiệp tự xác định.

+ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

+ Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

+ Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

13. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

15. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1,934,469,748	2.131.296.782
Tiền gửi ngân hàng	55,736,091	54.585.617
Cộng	<u>1,990,205,839</u>	<u>2.185.882.399</u>

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban QLDA đường Hồ Chí Minh	6,446,507,000	8.008.285.000
Ban QLDA đường cao tốc Sài Gòn - Trung Lương	7.566.476.829	7.566.476.829
Ban ĐH dự án Vũng Áng - Quảng Trạch - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam	1.583.736.861	1.583.736.861
Tổng công ty thương mại Kỹ thuật & Đầu tư - Công ty Cổ phần	3.670.299.254	3.670.299.254
Công ty Cổ phần LICOGI 16	1.699.481.001	1.699.481.001
Ban QLDA ĐTXD đường Láng Hoà Lạc	5.780.737	5.780.737
Ban QLDA 1	1.214.866.261	1.214.866.261
Khu QLGT đô thị số 4	5.599.527.827	5.599.527.827
Các đối tượng khác	11,971,627,310	13.898.258.187
Cộng	<u>39,758,303,080</u>	<u>43.246.711.957</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Hồng Hà	16.085.470.000	16.085.470.000
Công ty TNHH XD và Phát triển công nghệ Hải Hà	7,560,105,000	8,396,965,000
Các đối tượng khác	5,362,710,772	5,460,479,271
Cộng	<u>29,008,285,772</u>	<u>29,942,914,271</u>

4. Phải thu khác ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	2,869,568,599	-	1,447,593,310	-
<i>Tạm ứng của hội đồng quản trị, ban kiểm soát</i>	<i>153.609.000</i>	<i>-</i>	<i>153.609.000</i>	<i>-</i>
<i>Tạm ứng các đối tượng khác</i>	<i>2,715,959,599</i>	<i>-</i>	<i>1,293,984,310</i>	<i>-</i>
Ký cược, ký quỹ	729.174.424	-	729,174,424	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	714,678,197	(750.075.394)	764,678,197	(750.075.394)
Cộng	<u>4,313,421,220</u>	<u>(750.075.394)</u>	<u>2,941,445,931</u>	<u>(750.075.394)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BẢO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Công nợ phải thu khách hàng		6.528.445.408	6.528.445.408	4.693.295.781
UBND Thị xã Sơn La	Quá hạn trên 3 năm	614.384.422	614.384.422	614.384.422
Công ty CPXD Vận Tải Ô Tô Số Chín	Quá hạn trên 3 năm	33.831.417	33.831.417	33.831.417
Công ty TNHH Thương Mại Đại Thiên Sơn	Quá hạn trên 3 năm	289.252.500	289.252.500	289.252.500
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng 703	Quá hạn trên 3 năm	82.924.033	82.924.033	82.924.033
Doanh nghiệp tư nhân Vạn Đức	Quá hạn trên 3 năm	15.000.000	15.000.000	15.000.000
BQL dự án Thủy điện Xoàng Con	Khó có khả năng thu hồi	15.000.000	15.000.000	15.000.000
Ban QLDA công trình giao thông Nghệ An	Khó có khả năng thu hồi	626.918.132	626.918.132	626.918.132
Công ty CP cảng Cát Lái	Khó có khả năng thu hồi	69.626.650	69.626.650	69.626.650
Công ty CP XD Đường bộ số 1 Hà Tĩnh	Khó có khả năng thu hồi	314.359.000	314.359.000	314.359.000
Công ty CP xây dựng công trình giao thông 61	Khó có khả năng thu hồi	796.850.000	796.850.000	796.850.000
Tổng công ty TM Kỹ thuật & Đầu tư - Công ty Cổ phần	Quá hạn trên 3 năm	3.670.299.254	3.670.299.254	1.835.149.627
Công nợ phải thu khác		750.075.394	750.075.394	750.075.394
Công ty TNHH Một Thành Viên Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	Quá hạn trên 3 năm	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Quý CT Móng bồn Xăng dầu Petec	Quá hạn trên 3 năm	25.175.000	25.175.000	25.175.000
Ông Cao Hồng	Quá hạn trên 3 năm	70.136.200	70.136.200	70.136.200
Bà Lê Thị Huyền	Quá hạn trên 3 năm	5.325.000	5.325.000	5.325.000
Ông Nguyễn Văn Thừa	Quá hạn trên 3 năm	1.500.000	1.500.000	1.500.000
Ông Lê Minh Đức	Quá hạn trên 3 năm	22.921.300	22.921.300	22.921.300
Ông Nguyễn Sỹ Phúc	Quá hạn trên 3 năm	5.000.000	5.000.000	5.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Quá hạn trên 3 năm	22.650.000	22.650.000	Quá hạn trên 3 năm	22.650.000	22.650.000
Ông Huỳnh Công Dụng (kế toán công trường)	Quá hạn trên 3 năm	200.000.000	200.000.000	Quá hạn trên 3 năm	200.000.000	200.000.000
Ông Nguyễn Văn Lương	Quá hạn trên 3 năm	186.420.946	186.420.946	Quá hạn trên 3 năm	186.420.946	186.420.946
Ông Lê Xuân Đường	Quá hạn trên 3 năm	868.000	868.000	Quá hạn trên 3 năm	868.000	868.000
Ông Đỗ Văn Bình	Quá hạn trên 3 năm	21.952.000	21.952.000	Quá hạn trên 3 năm	21.952.000	21.952.000
Bà Nguyễn Thị Oanh (tạm ứng tiền ăn)	Quá hạn trên 3 năm	20.060.000	20.060.000	Quá hạn trên 3 năm	20.060.000	20.060.000
Ông Nguyễn Duy Khánh	Quá hạn trên 3 năm	2.451.880	2.451.880	Quá hạn trên 3 năm	2.451.880	2.451.880
Ông Trần Văn Đông	Quá hạn trên 3 năm	750.000	750.000	Quá hạn trên 3 năm	750.000	750.000
Ông Hoàng Minh Hòa	Quá hạn trên 3 năm	17.080.000	17.080.000	Quá hạn trên 3 năm	17.080.000	17.080.000
Ông Trương Đức Diệp	Quá hạn trên 3 năm	3.729.700	3.729.700	Quá hạn trên 3 năm	3.729.700	3.729.700
Ông Trần Tường Văn	Quá hạn trên 3 năm	4.200.000	4.200.000	Quá hạn trên 3 năm	4.200.000	4.200.000
Ông Nguyễn Duy Dương	Quá hạn trên 3 năm	200.000	200.000	Quá hạn trên 3 năm	200.000	200.000
Ông Phan Huy Công	Quá hạn trên 3 năm	1.000.000	1.000.000	Quá hạn trên 3 năm	1.000.000	1.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Đường	Quá hạn trên 3 năm	102.375.368	102.375.368	Quá hạn trên 3 năm	102.375.368	102.375.368
Ông Vũ Quang Tiến - Tổ nhân công bãi khu B	Quá hạn trên 3 năm	10.000.000	10.000.000	Quá hạn trên 3 năm	10.000.000	10.000.000
Ông Vũ Quang Tiến	Quá hạn trên 3 năm	10.500.000	10.500.000	Quá hạn trên 3 năm	10.500.000	10.500.000
Bà Hoàng Thị Duyên	Quá hạn trên 3 năm	10.780.000	10.780.000	Quá hạn trên 3 năm	10.780.000	10.780.000
Cộng		7.278.520.802	7.278.520.802		7.278.520.802	5.443.371.175

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	7.278.520.802	-	7.278.520.802
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Số cuối kỳ	7.278.520.802	-	7.278.520.802

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	146.168.637	-	146.168.637	-
Công cụ, dụng cụ	37.709.100	-	37.709.100	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở đang	4,789,264,109	-	5,780,629,393	-
Cộng	4,973,141,846	-	5,780,629,393	-

= 1 3 5 7 9 1 3 5

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
Nguyên giá									
Số đầu năm	1.243.460.275	71.997.539,916	17.729.184.947		427.975.000	326.839.826	91.724.999,964		
Tăng trong năm	-	275.000,000	-		-	-	275.000,000		
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(3.104,226,361)	(1.058,452,380)		-	-	(4,162,678,741)		
Số cuối kỳ	1.243.460.275	69,168,313,555	16,670,732,567		427.975.000	326.839.826	87,837,321,223		
<i>Trong đó:</i>									
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.243.460.275	69,168,313,555	15.009.919,443		427.975.000	326.839.826	86,176,508,099		
Giá trị hao mòn									
Số đầu năm	1,243,460,275	71,677,799,887	17,386,214,090		427,975,000	326,839,826	91,062,289,078		
Tăng trong năm	-	187,628,327	86,439,388		-	-	274,067,715		
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(3,104,226,361)	(1,058,452,380)		-	-	(4,162,678,741)		
Số cuối kỳ	1.243.460.275	68,649,920,207	16,414,201,098		427.975.000	326.839.826	87,173,678,052		
Giá trị còn lại									
Số đầu năm	-	319,740,029	342,970,857		-	-	662,710,886		
Số cuối kỳ	-	407,111,702	256,531,469		-	-	663,643,171		

Tài sản cố định của Công ty có nguyên giá theo số sách là 20.814.881.116 đồng đã khấu hao hết được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn- chi nhánh Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công trình thủy điện xoông con	-	4.800.438.730
Công trình 48WB Nghĩa Thuận - Nghệ An	11.134.469.783	11.134.469.783
Công trình Quốc lộ Cái mép Thị Vải	3.610.944.122	3.610.944.122
Công trình Cảng Ba Sơn	2.029.833.685	2.029.833.685
Công trình cầu QL 51	7.017.332.387	7.017.332.387
CT Petec giai đoạn 2	1.079.619.661	1.079.619.661
Công trình Formosa	4.129.517.237	4.129.517.237
Công trình QL1 - Bình Định	7.785.336.516	7.785.336.516
Các Công trình khác	9.688.339.110	9.688.339.110
Cộng	<u>46,475,392,501</u>	<u>51.275.831.231</u>

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Sửa chữa lớn TSCĐ			
Sửa chữa xà lan MCO 09	119.695.455	681,818,182	801,513,637
Cộng	<u>119.695.455</u>	<u>681,818,182</u>	<u>801,513,637</u>

10. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
B- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng MCK(a)	4.180.644.391	-	4.180.644.391	4.180.644.391	-	4.180.644.391
C- Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần doanh nghiệp trẻ Việt Nam (b)	3.420.000.000	-	3.420.000.000	3.420.000.000	-	3.420.000.000
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông CK (c)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Cộng	<u>8.600.644.391</u>	<u>-</u>	<u>8.600.644.391</u>	<u>8.600.644.391</u>	<u>-</u>	<u>8.600.644.391</u>

(a) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng MCK theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901092786 ngày 16 tháng 6 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 23 tháng 11 năm 2010, Tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng MCK là 83.200.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam là 41%, Công ty Cổ phần Đầu tư CK Việt Nam là 39% và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T là 20%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam đã tạm góp vốn bằng tiền và các chi phí là 4.180.644.391 đồng.

(b) Là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị Quán Bàu - TP Vinh (tỉnh Nghệ An) cùng với Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Nghệ An và Công ty Cổ phần Tân Bình. Theo đó, phía Công ty góp vốn theo tỷ lệ 30% trên tổng vốn đầu tư (dự kiến tổng vốn đầu tư là 50 tỷ đồng) và chuyển vốn góp cho Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Nghệ An. Các bên thành lập Ban quản lý dự án chung do các bên cùng cử người đại diện tham gia vào dự án, phía Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Nghệ An chịu trách nhiệm làm đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

pháp nhân cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án. Khi toàn bộ quá trình thực hiện dự án được hoàn thành, căn cứ vào tỷ lệ vốn góp của các bên sẽ tiến hành phân chia kết quả đầu tư bằng lợi nhuận thu được khi bán các sản phẩm xây dựng đã hoàn thành là các căn hộ, nền đất, khi không bán được các bên thống nhất sẽ phân chia kết quả đầu tư bằng sản phẩm. Mỗi bên sở hữu lợi nhuận hoặc sản phẩm theo tỷ lệ vốn góp của mình. Số đã đầu tư đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.420.000.000 đồng.

(c) Khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông CK với số cổ phần nắm giữ là 10.000 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng, tổng giá trị đã đầu tư là 1.000.000.000 đồng.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần MCO Nghệ An	711.502.403	711.502.403
Công ty TNHH Thiên An	2.079.754.593	2.079.754.593
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng bê tông	3.013.743.640	3.013.743.640
Công ty TNHH MTV Quản lý & XD đường bộ 496	282.840.000	282.840.000
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và TM DV Kim Anh	-	-
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	2.125.738.486	2.125.738.486
Công ty TNHH Xây dựng Tùng Mai	227.082.464	227.082.464
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông 61	1.849.369.209	1.849.369.209
Các đối tượng khác	20,500,728,594	20.381.128.594
Cộng	<u>30,790,759,389</u>	<u>30.671.159.389</u>

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP PT đường cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu	713.898.000	713.898.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Sơn Đạt	-	-
Công ty CP tư vấn và XD Phú xuân	-	140.000.000
Cty cổ phần Nam Tân	1.522.684.000	1.522.684.000
Các đối tượng khác	3.524.891.660	3.524.891.660
Cộng	<u>5,761,473,660</u>	<u>5.901.473.660</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	23.509.663.733	524,049,319	(2,195,000,000)	21,838,713,052
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.605.120.476	20,359,353	-	1,625,479,829
Thuế thu nhập cá nhân	14.968.147	-	-	14.968.147
Cộng	<u>25.129.752.356</u>	<u>544,408,672</u>	<u>(2,195,000,000)</u>	<u>23,479,161,028</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

14. Phải trả khác ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	82.523.358
Bảo hiểm xã hội	-	360.910.670
Bảo hiểm thất nghiệp	51,854,788	51.854.788
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	129,943,487	409.839.459
Cộng	181,798,275	905.128.275

15. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (a)	-	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	11,424,864,000	17.020.449.277
Cộng	11,424,864,000	17.020.449.277

(a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng hạn mức tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 0307/HN-MCO/HĐTĐ ngày 03/07/2014 với hạn mức là 19.000.000.000 VND, mức dư nợ cao nhất 6.000.000.000 VND nhằm mục đích để thanh toán chi phí thi công gói thầu xây lắp số 2 về việc “Xây lắp đoạn nối đảo Hòn Cò với đảo Hòn La- Đoạn 4 thuộc dự án đường nối khu kinh tế Hòn La với Khu công nghiệp xi măng tập trung Tiến- Châu- Văn Hóa”, thời hạn cho vay tối đa 08 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là Quyền tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE551044, số vào sổ cấp GCN CH 0862 do UBND huyện Hòa Vang- TP Đà Nẵng cấp ngày 18/05/2011; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W543365, số vào sổ cấp GCN 1081QSDĐ/8726/QĐ-UB do UBND huyện Hòa Vang- TP Đà Nẵng cấp ngày 28/09/2004; quyền tài sản gắn liền với đất thuê theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AE 761098, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T.00057 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 14/11/2006 và các máy móc thiết bị của công ty hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng.

+ Hợp đồng tín dụng số 1500 LAV201203220 ngày 04/05/2012 với hạn mức là 20.000.000.000 VND ;nhằm mục đích thanh toán chi phí thi công xây lắp công trình: gói thầu nạo vét luồng và khu nước đậu tàu, tôn tạo mặt bằng, đường bãi; bến cập tàu, kè bảo vệ bờ, phao tiêu báo hiệu thuộc dự án Cảng cá và Trung tâm dịch vụ hậu cần Nghề cá Sa Kỳ tỉnh Quảng Ngãi; thời hạn cho vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ; lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Ngày 10/03/2015 hai bên ký phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi hạn mức là 46.350.000.000 VND, và gia hạn thời hạn trả nợ.

Đến ngày 31/12/2017 Công ty đã thanh toán hết nợ vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	-	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	17.020.449.277	-	(5.595.585,277)	11,424,864,000
Cộng	17.020.449.277	-	-	11,424,864,000

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn các cá nhân		
Ông Nguyễn Tài Thạch	2.100.000.000	2.100.000.000
Bà Lê Thị Bình	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	3.600.000.000	3.600.000.000

16. Chi phí phải trả dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi phí lãi vay phải trả	1.699.931.117	1.699.931.117
Cộng	1.699.931.117	1.699.931.117

17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy	4.706.740.000	4.706.740.000
Vốn góp của các cổ đông khác	36.332.550.000	36.332.550.000
Thặng dư vốn cổ phần	149.852.000	149.852.000
Cộng	41.189.142.000	41.189.142.000

c) Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.103.929	4.103.929
Số lượng cổ phiếu đã phát hành công chúng	4.103.929	4.103.929
- Cổ phiếu phổ thông	4.103.929	4.103.929
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.103.929	4.103.929
- Cổ phiếu phổ thông	4.103.929	4.103.929
- Cổ phiếu ưu đãi	4.103.929	4.103.929

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Lũy kế năm nay</u>	<u>Lũy kế năm trước</u>
Tổng doanh thu		
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa</i>	2,068,484,544	604,868,137
- <i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	6,224,876,819	2,736,705,567
Doanh thu thuần	<u>8,293,361,363</u>	<u>3,341,573,704</u>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ, hàng hóa</i>	2,068,484,544	604,868,137
- <i>Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng</i>	6,224,876,819	2,736,705,567

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ, hàng hóa đã cung cấp	1,563,893,636	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	8,888,407,058	1,919,810,058
Cộng	<u>10,452,300,694</u>	<u>1,919,810,058</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Lũy kế năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	64,561	1,377,848
Lãi tiền bảo lãnh	-	-
Cộng	<u>64,561</u>	<u>1,377,848</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Lũy kế năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	-	774,000,000
Cộng	<u>-</u>	<u>774,000,000</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Lũy kế năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	235,428,339	387,127,350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15,359,707	54,963,636
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3,000,000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73,397,550	9,861,362
Các chi phí khác	140,284,937	329,596,225
Cộng	<u>467,470,533</u>	<u>784,548,573</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Thu nhập khác**

	<u>Lũy kế năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	2,728,142,067	199,090,909
Công nợ không phải thanh toán	-	-
Cộng	<u>2,728,142,067</u>	<u>199,090,909</u>

7. Chi phí khác

	<u>Lũy kế năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt chậm nộp bảo hiểm	-	-
Chi phí khác	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	101,796,764	63,683,830
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Lãi chậm nộp bảo hiểm	-	-
- Các chi phí không hợp lệ	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	101,796,764	63,683,830
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>20,359,353</u>	<u>12,736,766</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Lũy kế năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	81,437,411	50,947,064
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	81,437,411	4.103.929
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>20</u>	<u>12</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	11,424,864,000	-	3.600.000.000	15,024,864,000
Phải trả người bán	30,024,759,389	-	-	30,790,759,389
Các khoản phải trả khác	301,269,480	1.699.931.117	-	2,001,200,597
Cộng	42,516,892,869	1.699.931.117	3.600.000.000	47,816,823,986
Số đầu năm				
Vay và nợ	24,770,785,456	-	3.600.000.000	28,370,785,456
Phải trả người bán	37,352,775,446	-	-	37,352,775,446
Các khoản phải trả khác	2,768,681,719	1.699.931.117	-	4,468,612,836
Cộng	64,892,242,621	1.699.931.117	3.600.000.000	70,192,173,738

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BDC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 6 ngõ 180, phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1,990,205,839	2.185.882.399	1,990,205,839	2.185.882.399
Phải thu khách hàng	33,229,857,672	36.718.266.549	33,229,857,672	36.718.266.549
Các khoản phải thu khác	3,604,345,826	2.232.370.537	3,604,345,826	2.232.370.537
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4,420,000,000	4.420.000.000	4,420,000,000	4.420.000.000
Cộng	43,244,409,337	45.556.519.485	43,244,409,337	45.556.519.485
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	15,024,864,000	20.620.449.277	15,024,864,000	20.620.449.277
Phải trả người bán	30,790,759,389	30.671.159.389	30,790,759,389	30.671.159.389
Các khoản phải trả khác	2,001,200,597	3.171.853.597	2,001,200,597	3.171.853.597
Cộng	47,816,823,986	54.463.462.263	47,816,823,986	54.463.462.263

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

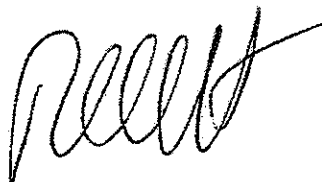
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Thông tin so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính bán niên quý II năm 2017

Lập ngày 19 tháng 07 năm 2018

Kế toán trưởng



Ngô Đức Nam



Nguyễn Quốc Hương